



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

敬致: 股东大会

Công ty xin báo cáo đại hội kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

城市燃气投资发展股份公司将把 2019 年经营情况, 向公司股东大会报告如下:

I. Kết quả kinh doanh năm 2019

2019 年生产经营情况

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính 主要指标综合表

STT 字 号	CHỈ TIÊU 指标	Thực hiện năm 2018 2018 年的 实现	Kế hoạch năm 2019 2019 年的 计划	Thực hiện năm 2019 hợp nhất 2019 年实 现的合并	% TH2019 so với KH2019 2019 年实 现跟计划 的比例 (%)	(%) TH2019 so với TH2018 2019 年实 现跟 2018 年实现的 比例 (%)
(A)	(B)	(1)	(2)		(3)/(2)	(3)/(1)
I	Chỉ tiêu sản lượng 产量指标					
1	LPG 液化石油气 (Tấn 吨)	20,047	19,461	20,287.18	104%	101%
A	Gián tiếp 批发客户	12,308	4,799	5,330.18	111%	43%
B	Trực tiếp 终端客户	7,739	14,662	14,957.00	102%	193%
-	LPG Công nghiệp 工业客户	6,699	13,294	13,079.58	98%	195%
-	Thương mại 商贸客户	374	941	1,110.38	118%	297%
-	LPG Citygas 民用客户	666	427	767.04	180%	115%
2	Xây lắp 施工安装 (Căn hộ 户)					
	Dự án căn hộ ký mới 新签署的户数			1.00		
	Giá trị hợp đồng (tỷ .đ) 合同签署的价值 (十亿)	8,078		3,147.00		
II	Chỉ tiêu tài chính (tỷ .đ) 财务指标 (十亿)					
1	Doanh thu 收入	335,614	367,206	298,349.03	81%	89%
1.1	LPG 液化石油气	310,076	298,604	283,192.61	95%	91%
	Gián tiếp 批发客户	152,411	66,856	65,489.13	98%	43%



	Trực tiếp 终端客户	96,628	231,748	217,703.48	94%	225%
	LPG Công nghiệp 工业客户	88,658	206,126	183,959.28	89%	207%
	Thương mại 商贸客户	31	14,068	16,077.40	114%	52489%
	LPG Citygas 民用客户	7,939	11,554	17,666.80	153%	223%
1.2	Xây lắp 施工安装	19,396	64,757	9,740.55	15%	50%
1.3	Khác (bao gồm bán VTTB, Sơn bình, bán bình 12 và VC tại Daklak) 其他 (包括: 销售物资设备, 钢瓶翻新, 销售 12 公斤钢瓶和在得乐的运输费用)	6,142	3,845	5,415.87	141%	88%
2	Giá vốn 成本	315,008	336,416	279,478.50	83%	89%
2.1	LPG 液化石油气	292,554	276,164	264,387.25	96%	90%
2.2	Xây lắp 施工安装	20,382	57,585	9,926.24	17%	49%
2.3	Khác 其他	2,072	2,667	5,165.01	194%	249%
3	Lãi gộp 毛利润	20,606	30,790	18,870.54	61%	92%
4	Chi phí bán hàng và quản lý DN 销售和企业管理费用	35,165	51,708	57,936.55	112%	165%
5	Lợi nhuận kinh doanh chính 主要业务利润	-14,559		-39,066.02		
6	Lợi nhuận tài chính 财务利润	6,903	2,018	2,660.72	132%	39%
7	Lợi nhuận khác 其他利润	0,319	706	-4,224.85		
8	Lợi nhuận trước thuế 税前利润	-8,105	-18,193	-40,630.15	223%	501%
9	Các khoản điều chỉnh giảm vào LNST 税后利润的各种调整科目					
10	Thuế 税务					
11	Lợi nhuận sau thuế 税后利润	-8,105	-18,193	-40,630.15	223%	501%

1. Chỉ tiêu sản lượng

产量指标

1.1. Sản lượng LPG 液化石油气的产量

- Sản lượng LPG đạt 20,287 tấn, bằng 104% so với kế hoạch đặt ra và bằng 101% so với năm 2018. Mức sản lượng LPG duy trì ổn định, chỉ tiêu sản lượng gián tiếp có giảm chỉ đạt 43% nhưng sản lượng trực tiếp đã tăng đạt 193% so với năm 2018.

液化石油气 (LPG) 的产量达到 20,287 吨, 完成计划 104%, 相当于 2018 年销售量的 101%。LPG 的产量维持稳定, 批发客户的产量指标降低, 达到 43%但是终端客户的产量指标已经增发达到 2018 年的 193%。

STT 序号	CHỈ TIÊU 指标	ĐVT 计算 单位	TH năm 2018 2018年 实现	KH năm 2019 2019年 计划	TH năm 2019 2019年 实现	Tỷ lệ so sánh (%) 比例 (%)	
(A)	(B)		1	2	3	(3)/2	(3)/(1)
1	Sản lượng gián tiếp 批发产量	Tấn 吨	12,308.00	4,798.88	5,330.18	111%	43%
	Miền Bắc 北部	Tấn 吨	9,308.00	2,412.21	2,078.53	86%	22%
	Miền Trung 北部	Tấn 吨	1,045.00	1,156.26	1,143.49	99%	109%
	Miền Nam 南部	Tấn 吨	1,955.00	1,230.41	2,108.16	171%	108%
2	Sản lượng trực tiếp 终端客户	Tấn 吨	7,739.00	14,661.95	14,957.00	102%	193%
2.1	Công nghiệp 工业客户	Tấn 吨	6,699.00	13,294.10	13,079.58	98%	195%
	Miền Bắc 北部	Tấn 吨	1202	7,583.36	7,384.40	97%	614%
	Miền Trung 北部	Tấn 吨	4619	4,627.30	4,289.09	93%	93%
	Miền Nam 南部	Tấn 吨	878	1,083.44	1,406.09	130%	160%
2.2	Thương mại 商业客户	Tấn 吨	374	940.97	1,110.38	118%	297%
	Miền Bắc 北部	Tấn 吨	2	0	0		
	Miền Trung 北部	Tấn 吨	0	0	0		
	Miền Nam 南部	Tấn 吨	372	753.24	967.85	128%	260%
	Daklak 得乐	Tấn 吨		187.73	142.53		
2.3	Citygas 民用客户	Tấn 吨	666	426.88	767.04	180%	115%
	Miền Bắc 北部	Tấn 吨	330	94.84	395	416%	120%
	Miền Trung 北部	Tấn 吨	0	0.36	0.1		
	Miền Nam 南部	Tấn 吨	335	331.68	371.94	112%	111%
	Tổng cộng 合计	Tấn 吨	20,047.00	19,460.83	20,287.18	104%	101%

1.2. Sản lượng xây lắp 施工安装的产量指标

- Dự án xây lắp chỉ ký mới 01 hợp đồng, do chủ đầu tư các khu đô thị, khu chung cư không đầu tư hoặc gián tiếp đầu tư hệ thống cấp LPG trung tâm.
- New signed contracts are 1 contract, due to the fact that in the urban area, residential apartments are not willing to invest in gas systems or extend progress.
- Tổng giá trị hợp đồng ký mới đạt 3.147 tỷ đồng, bằng 39% so với năm 2018 bao gồm các dự án làm gas trung tâm cho bếp ăn nhà hàng, quán cà phê trong các trung tâm thương mại và hệ thống cấp gas cho nhà máy.

- 新签署的合同金额约 92.6 万元人民币，相当于 2018 年的 39% 包括商业客户的厨房和生产线的燃气系统

STT 序号	CHỈ TIÊU 指标	DVT 计算单位	TH năm 2018 2018 年 实现	KH năm 2019 2019 年 计划	TH năm 2019 2019 年 实现	Tỷ lệ so sánh (%) 比例 (%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(3)/(2) (3)/(1)
1	Số căn hộ ký mới 新签署的户数	Căn hộ 户数				
	Miền Bắc 北部					
	Miền Nam 南部		0		100	
2	Giá trị HĐ ký mới 新签署的合同价值	Tỷ đồng 十亿越盾	8,078		3,147	39%
	Miền Bắc 北部		7,131		2,192.00	31%
	Miền Nam 南部		947		955	101%

- Thị trường xây lắp công nghiệp và thương mại có nhiều đối thủ có năng lực, kinh nghiệm và giá thành vật liệu, nhân công đầu vào cạnh tranh hơn. Do đó, Gascity không ký được hợp đồng hoặc không trúng thầu một số dự án

关于工业客户和商业客户的施工安装市场有多竞争对手，设备物资及人工的成本没有优势，所以本司不成功签署新合同或不中标。

- Phát triển KCN: Trong năm, Công ty đã tìm kiếm, làm việc với các đối tác khách hàng và đã ký được 11 thỏa thuận nguyên tắc (HO: 07 hợp đồng; Chi nhánh TPHCM 04 hợp đồng) thỏa thuận về việc hợp tác đầu tư hệ thống cấp khí đốt trung tâm cho các khu Công nghiệp tại khắp các vùng miền Bắc, Trung, Nam. Đây là tiền đề để trong năm 2020 sẽ tiếp tục đàm phán để ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư chính thức với một số khu công nghiệp lớn.

工业园区发展：年内，公司已寻找并与客户谈判，成功签署了 11 项合作协议书（河内总部：7 个合同；胡志明分公司：4 个合同），关于在北部，中部和南部地区的工业园区投资供气系统。这是 2020 年继续与许多大型工业园区谈判签署正式投资合作合同的前提。

2. Chỉ tiêu tài chính

财务指标

- Tổng doanh thu đạt 298,349 tỷ đồng, bằng 81% so với kế hoạch đặt ra và bằng 89% so với năm 2018, trong đó:

总营业收入约 8775 万元人民币，完成计划的 81%，相当于 2018 年的 89%，包括：

- Doanh thu LPG đạt 283,193 tỷ đồng, bằng 91% so với năm 2018.
LPG 营业收入约 8329 万元人民币，相当于 2018 年的 91%
- Doanh thu xây lắp đạt 9,741 tỷ đồng, bằng 50% so với năm 2018 bao gồm cả các dự án từ năm trước chuyển sang. Nguyên nhân doanh thu xây lắp thấp hơn 2018 là do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

施工安装收入约 286 万元人民币，相当于 2018 年的 50%，其中包括去年的项目结转。

下降的主要原因如下：

- ✓ Các dự án chính đang triển khai chủ yếu là trung tâm thương mại có điều kiện thi công phức tạp, phát sinh và thay đổi thiết kế trong thi công nhiều, tổng tiến độ thi công chung

của các dự án đều chậm tiến độ dẫn đến công tác thi công cũng như thanh quyết toán của hệ thống gas bị ảnh hưởng.

主要施工安装项目在商贸中心的商业客户，安装施工条件复杂，在施工过程中不断换改施工方案，项目的总进度大部分被延长时间影响到施工工作和办理决算手续。

- ✓ Khối lượng, giá trị thi công thực tế các TTTM bị giảm so với Hợp đồng do Chủ đầu tư không đạt được thỏa thuận thi công hệ thống gas với các Chủ gian hàng.

工作量和合同金额跟实际施工完成后都下降主要原因是投资方跟业主达不到施工协议

- ✓ Nhân lực mỏng, mỗi công trường chỉ bố trí có 01 cán bộ và phải thực hiện tất cả các công việc liên quan đến triển khai thi công như giám sát, làm bản vẽ, nghiệm thu hiện trường, ... dẫn đến công tác hồ sơ thanh toán giai đoạn bị chậm.

工作人员少，每个项目只能安排一位监督人员来管理所有关于施工项目的工作（比如：监督施工，上图案，现场验收等等）也会影响到办理决算资料

- ✓ Năng lực thi công còn yếu, không có đội ngũ công nhân, nhân công đều phải thuê khoán. Có những dự án khu vực Miền trung phải thuê, điều động nhân công từ ngoài HO vào thực hiện dẫn đến phát sinh chi phí.

施工能力不强，没有自己的施工队伍，全部施工单位都需要承包商。有些项目在中部都要总部派人来监管所已费用也会增加

- iii. Doanh thu khác đạt 5,416 tỷ đồng bằng 88% so với năm 2018 chủ yếu là từ các hoạt động (bao gồm bán VITB, Sơn bình, bán bình 12 và VC tại Daklak).

其他收入为 159 万人民币，相当于 2018 年的 88%。主要来源从得乐公司带来包括：销售物资设备，钢瓶翻新，销售 12 公斤钢瓶和运输

- Giá vốn đạt 279,479 tỷ đồng, bằng 89% so với năm 2018.

成本费用约 8220 万人民币，相当于 2018 年的 89%

- Chi phí quản lý và bán hàng đạt 57,937 tỷ đồng, 165% so với năm 2018.

销售和管理费用约 1704 万元人民币，相当于 2018 年的 139%

Đơn vị tính: triệu đồng 计算单位: 百万越南盾

STT 序号	Khoản mục chi phí 科目费用	TH năm 2018 2018年 实现	Năm 2019 2019年		Tỷ lệ so sánh 比例 (%)	
			KH 计划	TH 实现	(3)/(2)	(3)/(1)
(A)	(B)	1	2	3	(3)/(2)	(3)/(1)
1	Tiền lương 工资	14,769	12,630	13,046	103%	88%
2	Cơm ca 伙食补贴	650	680	640	94%	98%
3	BHXH, BHYT, KPCD, TCTN (trích theo lương) 社会保险, 医疗保险, 工会费, 失业补贴 (按工资计算)	2,035	1,995	2,045	102%	100%
4	Thuê văn phòng + Kho 办公室住租 + 仓库费用	1,648	1,589	1,585	100%	96%
5	Xe ô tô văn phòng 办公公司公务车费用	838	709	815	115%	97%
6	Thông tin, Website 信息, 网页费用	112	75	106	142%	94%
7	Văn phòng phẩm 办公用品费用	103	94	87	92%	84%
8	Tiền điện, nước, DT, phí DVVP 水电等办公物业费用	1,514	1,392	1,567	113%	104%
9	Đào tạo 培训费用	18	50	32	65%	179%
10	Hành chính 行政费用	435	315	427	136%	98%
11	Tiếp khách 招待费用	1,837	723	754	104%	41%

12	Công tác phí 差旅费用	863	612	574	94%	66%
13	Khấu hao TSCD 固定资产折旧	1.811	2.914	3.009	103%	166%
14	CCDC Văn phòng 办公室工具费用	185	343	382	112%	207%
15	Nhãn hiệu Tập đoàn 集团品牌费用	33		0		
16	Trích quỹ dự phòng nợ phải thu 坏账准备金计提费用	560	7.076	12.941	183%	2311%
17	Phí chuyển tiền 银行转账手续费	49	63	64	103%	131%
18	Chi phí dự điều kiện trạm cấp, giấy phép XNK 进出口许可证出, 出证及办理费用					
19	Kiểm định an toàn hệ thống 鉴定安全系统费用	149	296	252	85%	169%
20	Kiểm toán báo cáo TC 财务报告审计费	275	500	437	87%	159%
21	Thuế, phí, lệ phí 税费	5	13	26	201%	514%
22	Sửa chữa bảo dưỡng 保养维修费	431	235	255	109%	59%
23	Bảo hiểm khác 其他保险	92	140	133	95%	145%
24	Marketing 营销费用	-	458	437	95%	
25	Chi phí bán hàng (thuê hệ thống Citygas) 销售费用 (都市区民用共气系统的 租住费)	755	849	1.126	133%	149%
26	Chi phí vận tải 运输费	5.853	7.474	7.492	100%	128%
27	Bảo hộ lao động 劳动保护费	-	274	106		
28	Chi phí khác 其他费用	145	475	485	102%	335%
				9.115		
	Tổng cộng 总共	35,165	41,972	57,937	138%	165%

- Lợi nhuận tài chính đạt 2.661 tỷ đồng, đạt 132% so với kế hoạch và bằng 39% so với năm 2018.

财务利润约 78.3 万元人民币, 相当于计划的 132%, 相当于 2018 年的 39%。

- Lợi nhuận khác -4,225 tỷ đồng.

其他利润约 -124,3 万人民币

- Lợi nhuận trước và sau thuế -40,630 tỷ đồng.

税前和税后利润约 -1195 万人民币

II. Công tác quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường

安全-优质-环保管理工作

- Đảm bảo an ninh, an toàn, khai thác liên tục các dự án. Đến thời điểm báo cáo, không có tai nạn, sự cố nghiêm trọng xảy ra dẫn đến dừng, gián đoạn thi công/cấp gas.

保证安全, 持续开发各个项目。截止报告时点, 公司生产经营活动中没有发生严重的安全责任事故。

- Duy trì Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất Lượng – Môi trường (ATCLMT) theo ISO 9001:2015; tiếp tục rà soát các quy trình, quy định.

按照 ISO 9001: 2015 质量认证继续维持安全 - 质量 - 环境泛能管理的系统; 继续梳理流程和制定相关管理规定。

III. Công tác quản lý hành chính, nhân sự và đoàn thể 行政、人事管理工作

- Lao động tiền lương: 员工及工资

Tổng số lao động cuối kỳ là 73 người, Thu nhập bình quân ước đạt 11,23 triệu đồng/người/tháng.

期末公司职工总数为 73 人, 人均月工资收入为 11,23 万越南盾/人/月 (约 3302 元人民币/人/月)

- Đào tạo: triển khai 61 lượt người đào tạo theo yêu cầu pháp luật với tổng chi phí 49,8 triệu đồng.

培训工作: 包括法律培训和专业培训, 总共 61 人次, 培训总费用为 1.4 万元人民币,

- Quản trị doanh nghiệp: Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.

企业管理: 以法律对上市公司规定, 要充分遵守报告和公布信息的制度

Trân trọng,

致敬!

Nơi nhận: 接收处

- Như trên: 如上

- Ban GD (e-copy)

经理班子 (电子版);

- Lưu VT.

存档: 文秘

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
代表董事会



Nguyễn Thanh Tú

T.C.P



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

城市燃气投资发展股份公司

Số: *DT*/TT-KDT

号: *DT*/TT-KDT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

越南社会主义共和国

独立- 自由- 幸福

Hà Nội, ngày *23* tháng *4* năm 2020

河内市, 2020年*4*月*23*日

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2020
关于 2020 年生产经营计划批准通过的请示

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
敬致: 股东大会

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo kế hoạch kinh doanh 2020, gồm các nội dung sau:

城市燃气投资发展股份公司董事会将把 2020 年生产经营计划, 向股东大会报告如下:

1 Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

建立计划指标的基础

- Căn cứ Kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh năm 2019;
根据 2019 年生产经营情况;
- Căn cứ vào dự báo tình hình thị trường LPG và thị trường bất động sản năm 2020;
根据 2020 年房地产市场和液化石油气市场的情况预报报告;
- Căn cứ vào các Nghị quyết của HĐQT về việc tổ tái cơ cấu chức;
根据董事会议决关于组织重组内容;

2 Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

2020 年计划的指标

- Kế hoạch sản lượng và tài chính
- 销售量和财务指标



Bảng kế hoạch tương ứng với giá CP bằng 475\$/tấn
 相应于 CP 价格为 475 美元/吨时的计划表

Stt 序号	Chỉ tiêu 指标	Dvt 计算单位	TH 2019 2019 年的实 现	KH 2020 2020 年的计 划	% KH 2020/TH 2019 2019 年实现跟 2020 计划的比 例 (%)
I	Chỉ tiêu sản lượng 产量指标				
1	Kinh doanh LPG 液化石油气 销售	Tấn 吨	20.287	22.740	112%
2	Xây lắp 施工安装			-	
2.1	Dự án xây lắp 施工安装项目		1,00	3,00	300%
2.2	Giá trị hợp đồng ký mới 新签署合同价值	Tỷ.d (十亿)	3,15	2,94	93%
II	Chỉ tiêu tài chính 财务指标				
1	Tổng Doanh thu 总收入	Tỷ.d (十亿)	298,35	385,92	129%
1.1	Kinh doanh LPG 液化石油气销售		283,19	363,36	128%
1.2	Xây lắp 施工安装		9,74	21,00	216%
1.3	Khác 其他		5,42	1,56	29%
2	Giá vốn 成本价格	Tỷ.d (十亿)	279,48	357,03	128%
2.1	Kinh doanh LPG 液化石油气销售		264,39	336,62	127%
2.2	Xây lắp 施工安装		9,93	19,60	198%
2.3	Khác 其他		5,16	0,81	16%
3	Lãi gộp 毛利润	Tỷ.d (十亿)	18,87	28,89	153%
3.1	Kinh doanh LPG 液化石油气销售		18,80	26,74	142%
3.2	Xây lắp 施工安装		-0,19	1,40	-749%
3.3	Khác 其他		0,26	0,75	300%
4	CP quản lý và bán hàng 销售和管理费用	Tỷ.d (十亿)	57,94	30,81	53%
5	Lợi nhuận KD chính 主要业务利润	"	-39,07	-1,92	5%
6	Lợi nhuận tài chính 财务利润	"	2,66	1,95	73%
7	Lợi nhuận khác 其他利润	"	-4,22	0	0%
8	LN trước thuế 税前利润	"	-40,63	0,03	0%
	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	"			
10	应付国家预算款和税务		0,00	0,00	
11	LN sau thuế 税后利润	"	-40,63	0,03	0%

➤ Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản

➤ 基础建设投资指标

Đơn vị tính: tỷ đồng

计算单位: 十亿盾

Stt 序号	Dự án 项目	Tổng VDT 投资总额	KH giải ngân năm 2020 2020 年到位资金计划		
			Tổng tổng số 总数	Vốn vay vay 贷款	Vốn CSH CSH 自有资金
2	Dự án mới 新项目	3,65	3,65	0	3,65
	Tổng cộng 总额	3,65	3,65	0	3,65

3 Giải pháp thực hiện
实现措施

➤ Đối với kinh doanh LPG công nghiệp

➤ 关于 LPG 工业客户:

- Tái cơ cấu khách hàng, phát triển khách hàng mới đặc biệt là phân khúc khách hàng sử dụng LPG công nghiệp, mở rộng đối tượng khách hàng dùng LPG bình 45/12Kg cho khách hàng công nghiệp và thương mại;
重组客户机构, 发展新客户关注工业区的客户, 拓展 45/12 公斤钢瓶的工业, 商业客户。
- Tăng cường các hoạt động tiếp thị và tiếp xúc khách hàng để mở rộng mạng lưới khách hàng trong phân khúc mới;
加强营销和客户联系活动, 以扩大新细分市场的客户网络。
- Tiếp tục thực hiện theo đúng quy trình, quy định về mua bán hàng; kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ xấu.
继续按照采购和销售程序和规定; 控制和收回债务, 以免产生坏账。

➤ Đối với phát triển hệ thống gas Công nghiệp/Thương mại

➤ 关于发展工业/商业燃气系统:

- Bám sát CĐT dự án để hợp tác đầu tư hệ thống gas trung tâm ngay từ khâu lập quy hoạch;
从项目计划阶段开始就与项目投资方跟进以及保持沟通, 联系。
- Tiếp tục thực hiện chính sách truyền thông, dịch vụ, hậu mãi để nâng cao tỷ lệ sử dụng tại các trạm mới khai thác- chứng minh lợi ích của việc sử dụng hệ thống khí trung tâm;
继续执行通服务工作和售后的传统政策, 以提高新站的利用率为了证明选择使用燃气中心系统的利益;
Chuyên nghiệp hóa hơn nữa bộ phận thị trường, kinh doanh, vận hành thông qua tổ chức đào tạo về kỹ năng giao tiếp với khách hàng, đào tạo chuyên sâu về công tác thị trường...
通过与客户沟通技巧的培训, 对市场运营的深入培训, 使市场, 业务和运营部门进一步专业化;

➤ Đối với công tác quản lý tài chính

➤ 关于财务管理工作的

349865
CÔNG TY
HÀNH
TẤT TRIỆ
ĐỒ THỊ
TP. HỒ

- Kiểm soát chi phí, hạn chế tối đa việc phát sinh chi phí so với kế hoạch:
控制费用, 按照计划执行, 限制发生费用;
- Tập trung kiểm soát, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ xấu;
集中管理, 加快应收款催收, 不造成新的坏账
- Tối đa hóa thu nhập từ hoạt động tài chính:
最优化金融活动收入, 提高财务利润
- Bám sát chủ đầu tư các dự án/khách hàng để nắm rõ tình hình dự án/ năng lực khách hàng để có các giải pháp bán hàng/ thu hồi công nợ phù hợp.
应密切关注项目的客户, 了解项目情况, 根据进度, 制定应收款解决方案和收回应收款办法

➤ **Dối với công tác tổ chức nhân sự, an toàn lao động**
人事组织、运营安全工作

- Tiếp tục rà soát công tác tổ chức, nhân sự trong toàn công ty, đặc biệt là nhân sự cho phát triển thị trường;
继续检查整个公司的组织工作和人事工作, 特别是服务市场开发工作的人员
- Tăng cường kiểm soát việc tuân thủ các quy định, quy trình; đảm bảo tuyệt đối an toàn cho các công trình xây lắp, trạm cấp gas;
遵纪守法, 合法经营。确保建筑工程场所, LPG 供气站的安全运营
- Rà soát các quy trình, quy định để nâng cao hiệu quả công việc;
审查流程和规定以提高工作效率
- Thực hiện tốt công tác đánh giá hoàn thành công việc;
遵守执行工作考核任务。
- Tiếp tục áp dụng phần mềm điều hành doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả điều hành và kiểm soát hồ sơ, tài liệu.
继续使用商业管理软件系统, 以提高记录和文件的操作和控制效率

Kính trình HĐQT thường niên 2020 thông qua.

呈请董事会批准通过

Trân trọng.

致敬!

Nơi nhận: 接收处

- Như trên: 如上
- Ban GD (e-copy)
经理班子 (电子版);
- Lưu VT,
存档: 文秘

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
代表董事会



Nguyễn Thanh Tú



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
越南城市燃气投资发展股份公司

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社会主义共和国

独立 - 自由 - 幸福

Số: 06./TTr-KDT
编号: 06 /TTr-KDT

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2020
河内, 2020年04月23日

TỜ TRÌNH

呈报

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

关于批准 2019 年经审计之财务报告

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

敬致: 股东大会

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty mẹ năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phát hành Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất như sau: (đính kèm)

越南 Deloitte 公司是公司本年度财务报告审计之单位, 截至 2019 年 12 月 31 日。越南 Deloitte 公司已发布经审计之财务报告 (详看附件)

Một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán: 在单独及合并经审计之财务报告中有一些主要指标:

Đơn vị tính: VND

TT 序号	Chỉ tiêu 指标	BCTC hợp nhất 合并财务报告	Báo cáo tài chính riêng 单独财务报告	Ghi chú 备注
1	Tổng tài sản 总资产	219.062.521.540	228.840.592.595	
	Nợ phải trả: 应付账款	58.280.319.468	58.927.259.966	
	Vốn chủ sở hữu: 所有者资本	160.782.202.072	169.913.332.629	
	Tổng doanh thu: 总收入	298.349.037.738	290.378.027.527	
	Lợi nhuận sau thuế: 税后利润	- 40.630.200185	-31.499.069.628	



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã xác nhận “Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam”.

越南 Deloitte 有限公司 已确认 “随附的财务报告已真实反映于 2019 年 12 月 31 日公司之财务情况、本年度经营结果及现金流量情况、符合越南会计准则，越南会计制度和 越南相关法规”。

Kính trình ĐHDCĐ thường niên 2020 thông qua.

为了呈上 2020 年度股东大会批准、请董事会同意此呈报。

Trân trọng,

此致

敬礼！

Nơi nhận: 接收处

- Như trên: 如上
- Ban GD (e-copy)
经理班子（电子版）；
- Lưu VT,
存档：文秘

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

代表董事会

主席



Nguyễn Thanh Tú





Số: 04/TTr-KĐT
编号: 04/TTr-KĐT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2020
河内, 2020 年 4 月 23 日

TỜ TRÌNH

呈报

Về việc báo cáo kết quả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và KII chi trả 2020
关于报告 2019 年董事会, 监事会的薪酬结果和 2020 年的薪酬支付计划

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

敬致: 股东大会

Công ty báo cáo kết quả thực hiện thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kiêm nhiệm năm 2019 và trình phương án chi trả thù lao năm 2020 như sau:

公司报告 2019 董事会, 监事会之薪酬结果, 并呈上 2020 年薪酬支付计划如下:

I. Thực hiện năm 2019

2019 年折行情况

- Thù lao Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/tháng
兼任董事会成员之薪酬: 588.2 人民币/月
- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/tháng
兼任监事会主席之薪酬: 588.2 人民币/月
- Thù lao Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/tháng
兼任监事会成员之薪酬: 441.2 人民币/月

Tổng thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm công ty năm 2019 là: 135.500.000 đồng/năm (Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm đồng chẵn).

2019 年公司兼任董事会和监事会之薪酬总额约 3.9 万元人民币/年

1 元人民币 = 3400 越南盾

II. Kế hoạch chi trả năm 2020

2020 年薪酬支付之计划



Mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2020 đề nghị như sau:

2020 年董事会和监事会成员之薪酬建议如下:

- Thành viên HĐQT không chuyên trách: 2.000.000 đồng/tháng
董事会成员: 588.2 人民币/月
- KSV không chuyên trách: 1.500.000 đồng/tháng
监事会成员: 441.2 人民币/月;
- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/tháng
兼任监事会主席之薪酬: 588.2 人民币/月

Kính trình DHDĐCD thường niên 2020 thông qua.

为了呈上 2020 年度股东大会批准、请董事会同意此呈报。

Trân trọng.

此致

敬礼!

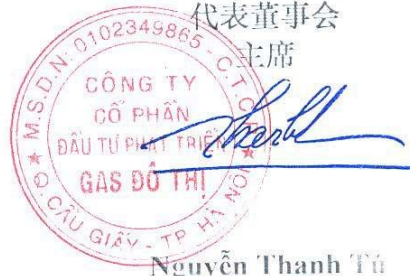
Nơi nhận: 接收处

- Như trên: 如上
- Ban GD (e-copy)
经理班子 (电子版);
- Lưu VT,
存档: 文秘

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

代表董事会

主席



Nguyễn Thanh Tú





Số: 02./KDT-BCHDQT
编号: 02./KDT-BCHDQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2020
河内, 2020年4月23日

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020

关于 2019 年董事会工作总结和 2020 年董事会工作计划之报告

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông
敬致: 股东大会

Hội đồng quản trị (HDQT) xin trân trọng thông báo kết quả hoạt động của HDQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị trong năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020, cụ thể như sau:

关于 2019 年城市燃气投资发展股份公司董事会之工作总结和 2020 年董事会之工作计划, 董事会汇报具体如下:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2019

2019 年董事会之工作总结

1. Hoạt động của HDQT năm 2019:

2019 年董事会之工作:

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1.2019;
指示和监督公司总经理实施组织 2019 年度股东大会及 2019 年第一次临时股东大会之工作;
- Giám sát việc chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; việc triển khai các Nghị quyết/Quyết định của HDQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và bất thường lần 1.2019;
监督公司经理班实施管理公司生产经营活动 并且监督实施董事会及 2019 年度股东大会年度股东大会及 2019 年第一次临时股东大会决议之工作;
- Chỉ đạo Giám đốc Công ty trong việc xây dựng KHKĐ năm 2019;
指示公司经理编制 2019 年经营计划;
- Việc triển khai các dự án xây lắp hệ thống gas và công tác thanh quyết toán của các dự án;
展开燃气系统项目施工安装和结算之工作;



- Công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng LPG và xây lắp;
对于 LPG 与建设安装客户收回债务之工作;
 - Việc sử dụng lao động và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;
根据公司和法律的规定, 使用人力资源和实施员工政策制度之工作
 - Thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có những chỉ đạo kịp thời trong công tác lãnh đạo quản lý, điều hành của Ban Giám đốc.
为了及时指示经理班、定期更新公司的生产经营活动的情况。
2. Trong năm 2019, HĐQT Công ty đã tổ chức họp và xin ý kiến bằng văn bản 14 (mười bốn) lần. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (bao gồm cả các Nghị quyết của HĐQT được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):
- 2019 年, 公司董事会已组织 14 次董事会会议并且通过书面形式征求董事会成员的意见 14 次。董事会决定/决议之内容如下:
- 2.1. Chốt danh sách cổ đông vào ngày 03/4/2019 để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ TN 2019;
在 2019 年 4 月 3 日确认股东名单以实施参与 2019 年度股东大会的权限;
 - 2.2. Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền đề trình ĐHĐCĐ TN 2019 thông qua theo thẩm quyền;
批准通过属于权限内的内容, 以根据权限呈上 2019 年度股东大会批准;
 - 2.3. Thành lập Công ty TNHH PCG Phú Vinh;
成立富荣 PCG 有限公司;
 - 2.4. Điều chỉnh tỷ lệ góp vốn tại dự án Khang Dương;
关于康养项目出资比例进行调整;
 - 2.5. Thông qua chủ trương xử lý hàng tồn kho, tái cơ cấu công ty, xử lý nợ khó đòi;
通过处理库存, 重组公司, 处理坏账的政策;
 - 2.6. Đồng ý phương án tái cơ cấu tổ chức Công ty;
同意公司机构重组的方案;
 - 2.7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự cấp cao thuộc ban điều hành;
任用及免任属于领导班子的高级职员;
 - 2.8. Chấp thuận việc ủy quyền của TV HĐQT;
批准董事会成员授权的事项;
 - 2.9. Thông qua phương án phân loại tồn kho VTTB;
通过库存设备物资分类的方案;
 - 2.10. Thông qua việc từ nhiệm CT HĐQT, bầu thay thế CT HĐQT;
通过董事长辞职的事项, 选举变更董事长;
 - 2.11. Triệu tập ĐHĐCĐ BT lần 1 năm 2019 để bầu thay thế TV HĐQT;

召开 2019 年第一次临时股东大会以选举变更董事长；

2.12.Sáp nhập phòng KHKD + Phòng VHTTCL thành phòng KDVII.

经营计划部与质量安全运行部合并成运行经营部。

3. Kế hoạch hoạt động năm 2020.

2020 年董事会工作之计划

Căn cứ định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động năm 2020 như sau:

根据公司未来之发展方向，董事会提出 2020 年工作计划如下：

1. Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty triển khai Nghị quyết DIHDCD thường niên năm 2020, bám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, hỗ trợ và phối hợp Giám đốc xử lý kịp thời và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt và vượt mức kế hoạch được giao.

指示公司经营班落实 2020 年度股东大会之议决，在公司落实 2020 年经营计划的过程进行监督、检查。为公司生产经营活动达到和超过计划指标、支持协助公司经理及时处理和解决困难。

2. Tiếp tục chỉ đạo triển khai để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ để đưa công trình vào sử dụng nhằm mở rộng thị trường kinh doanh LPG, LNG.... Đặc biệt là dự án mà công ty đã đầu tư trạm cấp.

为扩大 LPG, LNG 等业务的市场、指示促进已批准项目的进度，确保质量，按期竣工并开始使用、尤其是公司已投资的 LPG 供应站。

3. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc có phương án xử lý dứt điểm các tồn đọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thu hồi nợ khó đòi; thanh quyết toán các hợp đồng xây lắp chậm tiến độ....

指示公司经理班彻底处理公司存在的问题，比如：收回债务，在延迟进度项目结算之工作等

4. Tiếp tục cùng Ban giám đốc nghiên cứu bổ sung các quy trình, quy chế để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của công ty.

为服务公司的生产经营活动以及发展战略、继续与公司经理班一起研究及补充各流程和规制。



5. Nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với các cổ đông nhằm công bố thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.

为向公众迅速, 及时和透明地颁发信息、提升品牌价值, 维护良好的股东关系。

6. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động khác thuộc chức năng nhiệm vụ của HĐQT, khắc phục những mặt còn hạn chế, cùng với ban Giám đốc phấn đấu đưa công ty ngày càng phát triển, xứng đáng với sự mong muốn của cổ đông.

维持和促进董事会职能范围内的其它工作, 克服存在的缺点, 与经理班 一起努力让公司越来越发展, 值得股东的愿望。

7. Tiếp tục thực hiện công tác đảm bảo an sinh xã hội đối với người lao động; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ, chính sách nhân sự để giữ người tài.

继续为员工实施确保社会安生的工作; 提升员工生活的质量; 提高干部队伍的素质, 为留住人才实施人事政策。

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua.

呈请 2020 年度股东大会批准此报告。

Nơi nhận:

接收处:

- ĐHĐCĐ TN 2020;
- 2020 年度股东大会;
- HĐQT, BKS;
- 董事会, 监事会;
- Lưu VT: H.01.
- 文秘, 阮氏慧各一份

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

代表董事会

董事长



Nguyễn Thanh Tú



Số: 01./KĐT-BCBKS
号: 01./KĐT-BCBKS

Hà nội, ngày 23 tháng 4 năm 2020
河内, 2020年4月23日

BÁO CÁO

Về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020
và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2020
2019年监事会工作的落实情况与2020年工作计划
及选择2020年独立审计单位之报告

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2019

2019年监督、检查工作的结果

1. Hoạt động của Ban kiểm soát.

监事会的工作

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp 2014; Điều 34, 35 Điều lệ hiện hành Công ty

根据 2014 年企业法第 165 条规定监事会的权利和责任, 公司现行章程的第 34、35 条

Căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua. Trong năm 2019, Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện nhằm nắm bắt thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty như :

根据 2018 年例行股东大会已通过的任务计划, 2019 年监事会监督、检查工作已执行公司经营效果情况如下:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty trong việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ban lãnh đạo Công ty.

监督经营班子遵守现行法律规定和公司章程指导公司生产经营活动。

2. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

监督执行股东大会决议的事宜。

3. Phối hợp với Hội đồng quản trị, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.



配合董事会检查、监督公司的业务工作。监督公司资金、资产和公司其他资源，以确保资金的有效利用，防止损失和浪费，遵守国家法律和公司的制度、规定。

4. Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

审定年度财务报告，半年报告和季度报告，保证报告内容的正确性、透明性。分析、评估财务情况，保护公司资产。

2. Kết quả kiểm tra giám sát.

监督和检查的结果

a. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019.

2019年财务审计报告的结果

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Báo cáo được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.

2019年的财务报告已反映准确公司在2019年12月31日之前的财务状况和业务经营结果。本报告是根据财务部规定的报告格式。

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

记录、建立会计账簿、分类科目都按照财务部规定的标准。

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

按照2019年股东大会决议和公司章程规定，2019年的财务报告由德勤审计有限责任公司负责。

b. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

经营班子和董事会监督管理任务执行情况的结果

- Các Quyết định trong quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

经营班子和董事会在管理执行工作当中的决定都遵守法律规定的公司章程；

- Lãnh đạo Công ty cũng đã chú trọng thực hiện công tác thu hồi công nợ; thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định;

公司领导已注重追债，实施坏账准备资金事宜保证足够和符合规定

1204
ÔNG
CỔ PH
TỰ PH
AS Đ
GIẤY

- Các cổ đông Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về quyền và nghĩa vụ của các cổ đông;
公司的股东遵守法律和公司章程的股东义务;
- Việc trả lương, thưởng đảm bảo công bằng, minh bạch, các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.
按照法律规定, 确定员工薪酬支付和奖金政策的公平透明性
- c. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:
经营班子、董事会和监事会配合工作的结果评估;
- Giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Ban kiểm soát đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, kịp thời khi có yêu cầu.
监事会和董事会以及公司经营班子之间保持密切的配合。监事会在履行职责时得到董事会、经营班子的积极配合并创造各项便利条件, 例如: 根据监事会的要求及时和充分提供有关信息与文件。
- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tại các cuộc họp này, Ban Kiểm soát đã tham gia đóng góp ý kiến cho các vấn đề trong quá trình điều hành Công ty.
监事会受邀请参加董事会会议。在会议上, 监事会可对公司运营过程中提出意见。

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2020

2020 年工作计划

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, kế hoạch công tác năm 2020 của Ban kiểm soát như sau:

按照 2014 年的企业法和公司章程, 2020 年监事会的工作计划如下:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát việc triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
监督 2020 年例行股东大会决议的落实情况。监督遵守章程和公司内部管理制度。监督 2020 年公司的开展、实施生产经营计划。
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại văn phòng Công ty cũng như tại các đơn vị.
跟公司董事会和公司经营班子配合检查、监督公司对各单位的管理工作。
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, xây lắp.

305
 TỶ
 N
 TRIỆ
 (H)
 TP. H

跟踪、检查和监督各投资、安装项目的准备、开展和结算过程。

- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2019. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp

审定 2019 年经营结果报告、董事会管理工作评估报告。分析和评估公司的财务状况、资金的管理和使用、运营效率和债务支付能力。监督本公司在投资企业的持有资金和管理资本。

III. ĐỀ XUẤT ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP NĂM 2020

2020 年建议使用的独立审计单位

- Căn cứ chất lượng dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte đã được kiểm chứng qua kết quả thực hiện công việc kiểm toán tại Công ty các năm trước, Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Deloitte là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2020.
- 根据多年德勤有限责任公司的审计质量，监事会建议选择德勤公司负责本公司 2020 年财务审计报告。

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua.

呈请董事会审批通过。

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ TN 2020;
 - HĐQT;
 - Lưu TCHC, BKS:01.
- 发送:
- 2020 年例行股东大会
 - 董事会;
 - 行政部, 监事会





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
越南城市燃气投资发展股份公司

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立-自由-幸福

Số: 05 / TTTr-KDT
编号: 05 / TTTr-KDT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2020
河内, 2020 年 4 月 23 日

TỜ TRÌNH
呈报

Về việc miễn nhiệm, bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị
关于免任、选举变更董事会成员

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
敬致: 股东大会

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị nhận được đơn từ nhiệm của Ông Liu Min. Theo đó, thành viên HĐQT này đề nghị được từ nhiệm TV HĐQT từ sau khi kết thúc phiên họp ĐHĐCĐ TN 2020.

城市燃气投资发展股份公司收到刘敏先生的辞职书。因此，这位董事会成员将自 2020 年度股东大会会议结束之日起立即申请辞职。

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị nhận được văn bản của Công đồng là ENN ENERGY HOLDINGS LIMITED đề nghị đề cử ông Zhang Ye Sheng là ứng viên để Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Công ty bầu thay thế thành viên HĐQT.

城市燃气投资发展股份公司董事会收到新奥能源控股有限公司的公函推荐张叶先生作为股东大会的候选人，选举变更董事会成员。

Cụ thể như sau:

具体如下:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT, kể từ khi kết thúc phiên họp ĐHĐCĐ TN 2020 đối với ông Liu Min
自 2020 年度股东大会会议结束之日起，刘敏先生不再担任董事会成员的职务。
- Đề cử ông/bà sau đây để Đại hội bầu thay thế thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025:
荐举如下先生/女士作为股东大会的候选人，选举变更 2020 年至 2025 年任期董事会成员:

Họ và tên: Cheung Yip Sang

姓名: 张叶生

Giới tính: Nam

性别: 男

CMND/Hộ chiếu số:

身份证号/护照号:

Hộ khẩu thường trú: Hồng Kong

住址: 香港

Sinh ngày: 18/8/1966

出生: 1966/8/18

Ngày cấp:

签发时间

Nơi cấp:

签发机关:

Quốc tịch: Trung Quốc

国籍: 中华人民共和国



Trình độ: Nghiên cứu sinh Thạc sỹ

学位: 硕士研究生

Kính trình ĐHDCĐ thường niên 2020 thông qua.

呈请 2020 年度股东大会批准通过。

Nơi nhận: 接收处

- Như trên; 如上

- Lưu VT, 11.01

存档: 文秘, 阮氏慧各一份.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

代表董事会

CHỦ TỊCH

董事长

